

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH T
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2023/DS-ST

Ngày: 12-9-2023

V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH T, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Tân

Ông Huỳnh Văn Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Mỹ Anh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2023/TLST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã Vĩnh T, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn: Bà Lâm Thị L, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Y, xã Vĩnh T, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh T, sinh năm 1961 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Y, xã Vĩnh T, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/5/2023 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Năm 2022 bà có cho vợ chồng bà L, ông T vay tiền 02 lần, lần thứ nhất ngày 24/10/2022 âm lịch cho vay 70.000.000 đồng và lần hai ngày 20/12/2022 âm lịch cho vay 26.000.000 đồng, cả hai lần vay đều thỏa thuận lãi 4%/tháng. Ngày 20/12/2022 âm lịch bà L viết biên nhận tổng vay 96.000.000 đồng và vợ chồng bà L đều ký tên. Sau khi vay tiền vốn 70.000.000 đồng bà L đóng lãi

được 06 tháng, đến tháng 4 năm 2023 âm lịch thì ngưng đóng, tiền vốn 26.000.000 đồng thì đóng lãi được 02 tháng, tháng 02 năm 2023 âm lịch thì ngưng đóng. Sau đó bà đòi nhiều lần nhưng bà L, ông T không trả mà chỉ hứa hẹn.

Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà L, ông T trả cho bà số tiền còn nợ 96.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi đối với tiền vốn 70.000.000 đồng tính lãi từ ngày 24/4/2023 âm lịch và tiền vốn 26.000.000 đồng tính lãi từ ngày 20/02/2023 âm lịch đến ngày Tòa án xét xử, mức lãi suất 1,66%/tháng. Tại phiên tòa bà thay đổi yêu cầu tính lãi từ ngày làm đơn khởi kiện 10/5/2023 đến ngày tòa án xét xử, mức lãi suất theo quy định pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 21/8/2023 và tại phiên tòa bị đơn bà Lâm Thị L trình bày:

Bà là vợ ông Huỳnh T, hôm nay ông T bận công việc nên không đến Tòa án được. Bà có nợ bà Nguyễn Thị H số tiền vốn 96.000.000 đồng là sự thật, số tiền bà vay làm 03 đợt, cụ thể:

Ngày 24/3/2022 âm lịch vay 50.000.000 đồng, lãi thỏa thuận 4%/tháng, số tiền này bà đều đóng lãi đầy đủ đến tháng giêng năm 2023 âm lịch thì ngưng đóng;

Ngày không nhớ, tháng 09 năm 2022 âm lịch vay 20.000.000 đồng, lãi thỏa thuận 15%/tháng, số tiền này đóng lãi đến tháng chạp năm 2022 âm lịch thì ngưng đóng;

Ngày không nhớ, cũng tháng 09 năm 2022 âm lịch, vay 26.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 30%/tháng, đóng lãi đến tháng chạp năm 2022 âm lịch thì ngưng đóng.

Cả 03 lần vay trên đều không làm biên nhận riêng của từng lần nhưng đến khoảng tháng 12 năm 2022 âm lịch khi bà không tiếp tục đóng lãi thì bà H kêu bà làm biên nhận cộng gộp cả 03 lần vay trên thành số tiền 96.000.000 đồng. Bà thừa nhận biên nhận mà bà H cung cấp cho Tòa án là biên nhận do chính tay bà tự viết và ký tên, chữ ký Huỳnh Văn T là bà tự ký thay ông T, do bà vay nợ bà giấu không cho chồng biết, bà H kêu bà đem cho chồng bà ký nhưng thực chất chính tay bà ký chữ ký của ông T, ông T không hay biết về khoản vay này. Mục đích bà vay dùm cho em và cháu ruột bà.

Nay bà đồng ý trả vốn cho bà H số tiền 96.000.000 đồng nhưng khi đợi bán xong miếng đất mới có tiền trả, về tiền lãi bà xin không tiếp tục chịu lãi do đã đóng lãi quá nhiều, số lãi bà đã đóng do không có chứng cứ gì nên không yêu cầu cần trừ lại, số nợ trên là nợ của cá nhân bà, chồng bà không hay biết nên không có nghĩa vụ trả nợ cho bà H.

Tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 30/8/2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh T trình bày:

Việc vay mượn tiền ông không có liên quan, ông xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Từ khi thụ lý đến khi kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa xét xử, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng với các quy định của pháp luật.

Qua chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà L có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà H số tiền còn nợ vốn 96.000.000 đồng và trả lãi theo quy định pháp luật. Không chấp nhận đối với yêu cầu buộc ông T có nghĩa vụ liên đới trả nợ. Đối với yêu cầu xin trả dần của bị đơn thuộc giai đoạn thi hành án nên không xem xét. Án phí bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự phát sinh từ hợp đồng dân sự. Bị đơn cư trú tại ấp Y, xã Vĩnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với ông Huỳnh T.

[2] Nguyên đơn bà H khởi kiện yêu cầu bị đơn bà L, ông T có nghĩa vụ liên đới trả tiền vay còn nợ vốn 96.000.000 đồng và tiền lãi. Tại phiên tòa bị đơn bà L thừa nhận nợ và đồng ý trả vốn theo yêu cầu của nguyên đơn, xin không tính lãi, món nợ trên xin sau khi bán xong đất sẽ trả nợ cho nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh do các đương sự đều thừa nhận. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà L có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà H số tiền vốn vay 96.000.000 đồng.

[3] Về yêu cầu tính lãi: Đương sự đều thống nhất hợp đồng vay có thỏa thuận lãi suất, nhưng nguyên đơn trình bày lãi 4%/tháng, bị đơn cho rằng lãi thỏa thuận có 3 mức, lãi 4%, 15% và 30%, nhưng xét theo biên nhận nguyên đơn cung cấp không thể hiện rõ lãi suất và lời trình bày các đương sự có mâu thuẫn, nên Hội đồng xét xử chỉ xác định hợp đồng vay có lãi, không xác định rõ lãi suất bao nhiêu. Tại Tòa bị đơn bà L không yêu cầu xem xét khoản lãi đã đóng mà yêu cầu Tòa án không tính lãi do gặp khó khăn. Tuy nhiên, nguyên đơn bà H không đồng ý bỏ lãi mà yêu cầu Tòa án tính lãi từ ngày 10/5/2023 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm ngày 12/9/2023 với mức lãi suất theo quy định pháp luật. Xét thấy, do các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, áp dụng mức lãi suất 10%/năm. Lãi suất được tính như

sau: 96.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 04 tháng 02 ngày (từ ngày 10/5/2023 đến ngày 12/9/2023) = 3.240.320 đồng. Hội đồng xét xử buộc bà L có nghĩa vụ trả lãi cho bà H số tiền lãi 3.240.320 đồng là phù hợp quy định pháp luật.

[4] Về nghĩa vụ trả nợ của vợ chồng, nguyên đơn yêu cầu cả vợ chồng bà L, ông T cùng có trách nhiệm trả số nợ trên. Tuy nhiên, bà L trình bày việc vay chỉ một mình bà L đứng vay mục đích cho người khác vay, chồng bà L là ông T không hay biết, chữ ký trong giấy vay nợ do bà L tự viết và ký tên ông T, ông T không trực tiếp ký tên vào biên nhận. Ông T xin vắng mặt do không liên quan việc vay tiền. Do ông T, bà L đều không thừa nhận là nợ chung nên nghĩa vụ chứng minh thuộc về nguyên đơn bà H, bản phô tô biên nhận do bà H cung cấp có chữ ký tên ông T, bà H không yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký ông T, bà H không cung cấp được chứng cứ nào khác thể hiện việc vay nợ nêu trên là do vợ chồng ông T, bà L cùng thỏa thuận xác lập hoặc nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Nên nguyên đơn yêu cầu ông T cùng có trách nhiệm trả nợ là chưa đủ cơ sở, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Về thời gian trả nợ: Bị đơn bà L xin sau khi bán xong đất sẽ trả nợ cho nguyên đơn nhưng không được nguyên đơn bà H đồng ý, các bên không thỏa thuận được thời gian trả nợ. Xét yêu cầu của đương sự thuộc thẩm quyền giai đoạn thi hành án dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà L có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà H số tiền còn nợ 99.240.320 đồng, trong đó bao gồm vốn 96.000.000 đồng và tiền lãi 3.240.320 đồng. Không chấp nhận đối với yêu cầu buộc ông T cùng có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn.

[7] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn bà L phải chịu án phí 5% trên số tiền có nghĩa vụ trả. Nguyên đơn bà H phải chịu án phí 300.000 đồng trên phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.400.000 đồng, hoàn trả cho bà H số tiền 2.100.000 đồng.

[8] Qua phân tích như trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Thanh Trì là có cơ sở chấp nhận.

[9] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 92, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H về việc đòi bị đơn bà Lâm Thị L trả số tiền vay còn nợ. Buộc bị đơn bà Lâm Thị L có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H số tiền còn nợ 99.240.320 đồng (chín mươi chín triệu hai trăm bốn mươi nghìn ba trăm hai mươi đồng), trong đó bao gồm vốn 96.000.000 đồng (chín mươi sáu triệu đồng) và tiền lãi 3.240.320 đồng (ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn ba trăm hai mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H về việc đòi người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh T cùng có nghĩa vụ trả nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn bà Lâm Thị L có nghĩa vụ nộp án phí số tiền 4.962.016 đồng (bốn triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn không trăm mười sáu đồng). Buộc bà Nguyễn Thị H nộp án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.400.000 đồng (hai triệu bốn trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0008204 ngày 13/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh T, hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 2.100.000 đồng (hai triệu một trăm nghìn đồng).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. (Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh T;
- CCTHADS huyện Thạnh T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thành Nghiệp